

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó chủ tịch
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.

Thay mặt Hội đồng quản trị *Thư*
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Kim Xuân

Ngày 15 tháng 4 năm 2013

Số: 75/2012/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, được lập ngày 15 tháng 4 năm 2013, từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Hồ Đắc Hiếu
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số số 0458/KTV
Thành phố, HCM, ngày 15 tháng 4 năm 2013



Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn		100		250.423.234.020	245.640.563.334
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		110		573.304.662	571.920.205
1. Tiền	111	V.01		573.304.662	571.920.205
2. Các khoản tương đương tiền	112			-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		120	V.02	192.000.000	169.984.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			(339.000.000)	(361.016.000)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		130	V.03	47.940.521.516	113.630.060.164
1. Phải thu khách hàng	131			29.669.389.756	97.602.007.196
2. Trả trước cho người bán	132			12.876.505.436	11.915.460.943
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			-	-
5. Các khoản phải thu khác	135			5.394.626.324	4.112.592.025
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>		140	V.04	199.318.393.339	120.079.131.660
1. Hàng tồn kho	141			200.158.602.311	120.919.340.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			(840.208.972)	(840.208.972)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		150		2.399.014.503	11.189.467.305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			58.601.094	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			533.204.800	9.926.155.058
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		542.855.676	695.405.691
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06		1.264.352.933	567.906.556
B. Tài sản dài hạn		200		163.175.288.157	152.261.682.507
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>		220		69.718.819.700	60.093.054.959
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07		47.213.019.397	56.075.032.740
- Nguyên giá	222			120.869.049.290	120.870.222.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(73.656.029.893)	(64.795.189.750)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			-	-
- Nguyên giá	225			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08		2.857.633.906	3.165.736.509
- Nguyên giá	228			5.788.007.600	5.788.007.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(2.930.373.694)	(2.622.271.091)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09		19.648.166.397	852.285.710
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>		240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		250	V.10	78.561.182.824	78.561.182.824
1. Đầu tư vào công ty con	251			-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			65.026.276.051	65.026.276.051
3. Đầu tư dài hạn khác	258			13.534.906.773	13.534.906.773
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		260		14.895.285.633	13.607.444.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11		14.895.285.633	13.607.444.724
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		413.598.522.177	397.902.245.841

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả		300		239.672.111.367	227.061.142.140
I. Nợ ngắn hạn		310		232.672.111.367	225.087.481.085
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12		160.441.560.128	190.773.878.305
2. Phải trả cho người bán	312	V.13		5.058.862.080	9.437.199.388
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13		3.602.306.296	162.358.800
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14		927.133.148	951.079.241
5. Phải trả công nhân viên	315			-	1.584.532.160
6. Chi phí phải trả	316			-	-
7. Phải trả nội bộ	317			-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15		55.465.593.612	14.770.584.041
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			7.176.656.103	7.407.849.150
II. Nợ dài hạn		330		7.000.000.000	1.973.661.055
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.16		7.000.000.000	1.512.364.431
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-	461.296.624
B. Vốn chủ sở hữu		400		173.926.410.810	170.841.103.701
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.17	173.926.410.810	170.841.103.701
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			24.156.097.000	24.156.097.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-	(2.624.423.284)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417			9.335.792.066	9.335.792.066
5. Quỹ dự phòng tài chính	418			5.381.877.899	5.381.877.899
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420			6.982.643.845	6.521.760.020
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		413.598.522.177	397.902.245.841
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài				-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi				-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược				-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý				-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)				3.699,30	10.694,52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				-	-

Mai

Lại Tuyết Thanh
 Kế toán trưởng
 Ngày 15 tháng 4 năm 2013



Trịnh Bá Hoàng
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		106.993.664.376	341.009.510.216
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	106.993.664.376	341.009.510.216
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	74.480.132.986	288.206.524.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.513.531.390	52.802.985.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.697.463.686	11.724.299.730
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	13.644.828.635	23.840.496.616
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.225.946.465	12.496.033.149
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.819.252.161	13.914.105.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	14.444.021.658	16.599.632.795
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		302.892.622	10.173.049.986
11. Thu nhập khác	31		250.133.984	1.993.836.542
12. Chi phí khác	32		25.987.949	123.183.547
13. Lợi nhuận khác	40	VI.07	224.146.035	1.870.652.995
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		527.038.657	12.043.702.981
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	66.154.832	1.055.556.567
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		460.883.825	10.988.146.414
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	36	858



Lại Tuyết Thanh
 Kế toán trưởng
 Ngày 15 tháng 4 năm 2013




 Trịnh Bá Hoàng
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

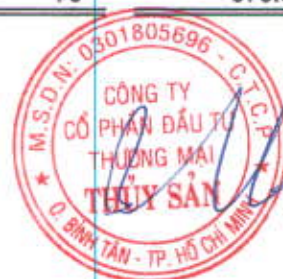
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	527.038.657	12.043.702.981
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.344.988.935	11.001.198.601
Các khoản dự phòng	03	(22.016.000)	(5.922.422.462)
Lãi do từ hoạt động đầu tư	05	(10.516.051)	(67.640.000)
Chi phí lãi vay	06	12.225.946.465	12.496.033.149
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	22.065.442.006	29.550.872.269
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	74.538.592.544	3.221.591.603
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(79.239.261.679)	(29.326.974.683)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	37.479.597.928	(3.001.835.336)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.277.981.281	154.678.710
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.985.827.153)	(12.496.033.149)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(90.100.925)	(1.030.957.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.046.424.002	(12.928.657.611)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(18.234.660.937)	(1.784.238.155)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.304.000	67.640.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.200.356.937)	(1.716.598.155)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	430.564.216.222	706.579.336.358
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(455.408.898.830)	(676.209.204.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.844.682.608)	13.721.031.615
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
Tiền và tương đương tiền năm	60	571.920.205	1.496.144.356
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	573.304.662	571.920.205

Lại Tuyết Thanh

Lại Tuyết Thanh
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 4 năm 2013



Trịnh Bá Hoàng

Trịnh Bá Hoàng
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (Hose) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2012	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

4. Tổng số công nhân viên: Tổng số lao động đến ngày 31/12/2012: 238 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009; Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam;
Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bằng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái áp dụng tại ngày 31/12/2012: 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích dao động từ 03 – 05 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17% và 7 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Năm tài chính 2012 là năm thứ 8 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	59.225.464	231.490.752
Tiền gửi ngân hàng	514.079.198	340.429.453
Cộng	573.304.662	571.920.205

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư chứng khoán	531.000.000	531.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(339.000.000)	(361.016.000)
Cộng giá trị thuần các khoản đầu tư	192.000.000	169.984.000

Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan Dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách ngày 31/12/2012	Giá trị thị trường ngày 31/12/2012	Dự phòng giảm giá chứng khoán
PVD	<u>5.120</u>	<u>531.000.000</u>	<u>192.000.000</u>	<u>(339.000.000)</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng (3.1)	29.669.389.756	97.602.007.196
Trả trước cho người bán	12.876.505.436	11.915.460.943
Phải thu khác (3.2)	5.394.626.324	4.112.592.025
Cộng	47.940.521.516	113.630.060.164
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	47.940.521.516	113.630.060.164

(3.1) Bao gồm:	31/12/2012	31/12/2012
	USD	Quy ra VND
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ	1.400.814,67	29.176.167.947
Phải thu khách hàng bằng VND		493.221.809
Cộng		29.669.389.756

(3.2) Bao gồm:	31/12/2012	31/12/2012
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Á Châu	2.442.000.859	2.316.179.160
Ông Đặng Văn Đoàn	1.112.400.000	1.112.400.000
Thuế GTGT đầu vào đang chờ hoàn lại	1.300.056.327	170.502.320
Phải thu khác	540.169.138	513.510.545
Cộng	5.394.626.324	4.112.592.025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	31/12/2012	01/01/2012
4. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	176.753.461.427	100.729.293.271
Công cụ dụng cụ	2.564.370.739	2.258.402.138
Thành phẩm tồn kho	14.388.026.830	11.726.673.814
Hàng gửi bán, gia công	6.452.743.315	6.204.971.409
Cộng	<u>200.158.602.311</u>	<u>120.919.340.632</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(840.208.972)	(840.208.972)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>199.318.393.339</u>	<u>120.079.131.660</u>

Hàng tồn kho trong kho lạnh dùng để chấp cho các khoản vay thuyết minh tại mục 12 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo Việt Sài Gòn số HCM.D26.IAR.12.HD169 (HSBC) ngày 13/11/2012. Thời hạn bảo hiểm là 06 tháng (từ ngày 13/11/2012 đến ngày 13/04/2013).

	31/12/2012	01/01/2012
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế nhập khẩu tạm nộp	490.396.848	612.172.397
Thuế thu nhập cá nhân	52.458.828	83.233.294
Cộng	<u>542.855.676</u>	<u>695.405.691</u>

	31/12/2012	01/01/2012
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	781.008.166	567.906.556
Tài sản thiếu chờ xử lý	483.344.767	-
Cộng	<u>1.264.352.933</u>	<u>567.906.556</u>

	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
7. Tài sản cố định hữu hình					
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	43.784.820.907	67.798.897.896	7.261.010.662	2.025.493.025	120.870.222.490
Tăng	-	74.493.110	30.000.000	94.167.828	198.660.938
Giảm	-	(121.944.000)	-	(77.890.138)	(199.834.138)
Số dư cuối năm	<u>43.784.820.907</u>	<u>67.751.447.006</u>	<u>7.291.010.662</u>	<u>2.041.770.715</u>	<u>120.869.049.290</u>
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	16.904.687.803	42.985.695.635	3.359.122.352	1.545.683.960	64.795.189.750
Tăng	1.836.202.443	6.164.882.014	808.160.792	227.641.083	9.036.886.332
Giảm	-	(108.954.619)	-	(67.091.570)	(176.046.189)
Số dư cuối năm	<u>18.740.890.246</u>	<u>49.041.623.030</u>	<u>4.167.283.144</u>	<u>1.706.233.473</u>	<u>73.656.029.893</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	26.880.133.104	24.813.202.261	3.901.888.310	479.809.065	56.075.032.740
Số dư cuối năm	<u>25.043.930.661</u>	<u>18.709.823.976</u>	<u>3.123.727.518</u>	<u>335.537.242</u>	<u>47.213.019.397</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.376.664.965 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 12 và 16 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương số 00-02/TS02/12/0001 ngày 10/02/2012. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 14/02/2013 đến ngày 31/5/2013).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

8. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	2.569.640.098	52.630.993	2.622.271.091
Tăng	285.645.996	22.456.607	308.102.603
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.855.286.094	75.087.600	2.930.373.694
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.143.279.902	22.456.607	3.165.736.509
Số dư cuối năm	2.857.633.906	-	2.857.633.906

Phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 75.087.600 đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí đầu tư vùng nuôi (*)	19.510.166.397	714.285.710
Chi phí mua sắm tài sản cố định	138.000.000	138.000.000
Cộng	19.648.166.397	852.285.710

(*) Trong đó, chi phí lãi vay đã được vốn hóa là 759.880.688 đồng.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư vào Công ty liên kết	(10.1) 65.026.276.051	65.026.276.051
Đầu tư dài hạn khác	(10.2) 13.534.906.773	13.534.906.773
Dự phòng giảm giá	-	-
Cộng	78.561.182.824	78.561.182.824

Tại ngày 31/12/2012, Công ty không xác định được giá trị thị trường của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, do vậy Công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có) cho các khoản đầu tư này.

10. 1. Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		31/12/2012	01/01/2012
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga (a)	21,07%	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (b)	49,00%	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (c)	49,00%	10.434.276.051	10.434.276.051
Cộng		65.026.276.051	65.026.276.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

10. 1. Đầu tư vào Công ty liên kết (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000.000 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2012 là 39.600.000.000 đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195.000 đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2012 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2012 là 454.368.95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng.

10. 2. Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		31/12/2012	01/01/2012
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga (a)	5,38%	4.634.906.773	4.634.906.773
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (b)		8.900.000.000	8.900.000.000
Cộng		13.534.906.773	13.534.906.773

(a) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305727544 ngày 23/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 ngày 08/9/2011. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.634.907.000 đồng tương đương 5,38% vốn điều lệ.

(b) Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu với mục đích xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/8/2007. Tính đến ngày 31/12/2012, số vốn góp của Công ty là 8.900.000.000 đồng tương đương 2,42% vốn điều lệ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư đầu năm	13.607.444.724	13.762.123.434
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	2.624.423.284	1.866.156.985
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	(1.336.582.375)	(1.306.549.985)
Trừ: các khoản giảm trừ khác	-	(714.285.710)
Số dư cuối năm	14.895.285.633	13.607.444.724

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	325.631.958	286.743.140
Tiền thuê đất (*)	9.757.849.013	10.033.708.385
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	2.624.423.284	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.187.381.378	3.286.993.199
Cộng	14.895.285.633	13.607.444.724

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - TP.HCM; Diện tích thuê: 20.802 m². Thời hạn thuê đến tháng 9/2049.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

		31/12/2012	01/01/2012
12. Vay và nợ ngắn hạn			
Vay ngắn hạn (VND)		80.618.672.312	54.414.238.084
Vay ngắn hạn (USD)		78.310.523.414	133.334.910.439
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		1.512.364.402	3.024.729.782
Cộng		160.441.560.128	190.773.878.305
Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn			
Ngân hàng HSBC	(12.1)	51.470.757.866	87.353.629.050
- Tiền Việt Nam (VND)		44.681.037.729	2.771.577.808
- Tiền ngoại tệ (325,990.02 USD)		6.789.720.137	84.582.051.242
Ngân hàng Vietcombank	(12.2)	95.481.313.861	89.586.162.214
- Tiền Việt Nam (VND)		31.937.634.583	40.833.303.017
- Tiền ngoại tệ (3,050,877.63 USD)		63.543.679.278	48.752.859.197
Ngân hàng Eximbank	(12.3)	7.977.124.000	-
- Tiền ngoại tệ (383,000.00 USD)		7.977.124.000	-
Ngân hàng Phát triển VN		-	6.809.357.259
- Tiền Việt Nam (VND)		-	6.809.357.259
Vay cá nhân Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	(12.4)	4.000.000.000	4.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.5)	1.512.364.402	3.024.729.782
Cộng		160.441.560.128	190.773.878.305

(12.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM CDT 050234 ngày 04/10/2011 và thỏa thuận sửa đổi ngày 13/4/2012 với tổng hạn mức là 4,000,000.00 USD; thời hạn trong vòng 150 ngày tính từ ngày giải ngân; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho của Công ty với trị giá 4,000,000.00 USD và thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm nhà kho và hàng hoá trong kho từ Công ty Bảo hiểm trị giá 106,43 tỷ đồng cùng với các khoản phải thu của quý Công ty với trị giá 4,000,000.00 USD.

(12.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0116/KH/12NH ngày 26/4/2012 với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng tại Lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 14.585.000.000 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/4/2012.

(12.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01089 ngày 29/6/2012. Hạn mức tín dụng 8 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương trong thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

- Cam kết thế chấp hàng tồn kho bình quân và các khoản phải thu.

(12.4) Vay ngắn hạn từ Bà Nguyễn Thị Kim Xuân theo hợp đồng vay ngắn hạn bổ sung số 009/HĐVNH/2011/ICF ngày 15/10/2011 với lãi suất vay 130% nhân với lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại từng thời điểm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(12.5) Chi tiết nợ vay dài hạn đến hạn trả		31/12/2012	01/01/2012
Ngân hàng HSBC (72,612.08 USD)		1.512.364.402	3.024.729.782

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

		31/12/2012	01/01/2012
13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước			
Phải trả người bán (*)		5.058.862.080	9.437.199.388
Người mua trả tiền trước		3.602.306.296	162.358.800
Cộng		8.661.168.376	9.599.558.188
(*) Bao gồm:			
		31/12/2012	31/12/2012
		USD	Quy ra VND
Phải trả người bán bằng ngoại tệ		43.925,15	914.873.024
Phải trả người bán bằng VND			4.143.989.056
Cộng			5.058.862.080
14. Thuế và các khoản phải nộp			
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		927.133.148	951.079.241
Các loại thuế khác		-	-
Cộng		927.133.148	951.079.241
15. Các khoản phải trả, phải nộp khác			
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN phải nộp		109.567.359	252.326.880
Kinh phí công đoàn		1.584.243.117	1.148.241.349
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn		-	50.000.000
Các khoản phải trả khác (*)		53.771.783.136	13.320.015.812
Cộng		55.465.593.612	14.770.584.041
(*) Chi tiết các khoản phải trả khác			
Phải trả tiền mượn góp vốn của cá nhân		52.052.951.206	11.483.000.000
Tiền thâm niên giữ lại		1.595.013.461	1.626.273.306
Các khoản phải trả khác		123.818.469	210.742.506
Cộng		53.771.783.136	13.320.015.812
16. Vay và nợ dài hạn			
Ngân hàng Eximbank (16.1)		7.000.000.000	-
Ngân hàng HSBC (16.2)		1.512.364.402	4.537.094.213
- Trừ nợ dài hạn đến hạn trả		(1.512.364.402)	(3.024.729.782)
Cộng		7.000.000.000	1.512.364.431

(16.1) Vay dài hạn 7.000.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (Eximbank) theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số 010/0512/HĐKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

(16.2) Vay dài hạn từ Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh Tp. HCM (HSBC) theo Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 080174M ngày 25/4/2008 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 16/9/2008. Số dư nợ vay còn lại vào ngày 31/12/2012 là 72,612.08 USD tương đương 1.512.364.402 đồng. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số VNM CDT 080174M/M ngày 25/4/2008 với tổng giá trị là 1,000,000.00 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.070.000.000	-	-	128.070.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.156.097.000	-	-	24.156.097.000
Chênh lệch tỷ giá	(2.624.423.284)	(238.175.885)	2.862.599.169	-
Quỹ đầu tư phát triển	9.335.792.066	-	-	9.335.792.066
Quỹ dự phòng tài chính	5.381.877.899	-	-	5.381.877.899
Lợi nhuận chưa phân phối	6.521.760.020	460.883.825	-	6.982.643.845
Cộng	170.841.103.701	222.707.940	2.862.599.169	173.926.410.810

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư đầu năm	6.521.760.020	11.895.591.067
Lãi phát sinh	460.883.825	1.136.045.154
Cộng phân hoàn nhập các quỹ	-	4.753.508.934
Cộng lũy kế	6.982.643.845	17.785.145.154
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Chi cổ tức cho cổ đông	-	16.649.100.000
Cộng phân phối	-	16.649.100.000

Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	105.981.576.148	340.503.904.318
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.012.088.228	505.605.898
Cộng	106.993.664.376	341.009.510.216
Các khoản giảm trừ	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng doanh thu thuần (*)	106.993.664.376	341.009.510.216

(*) Chi tiết doanh thu	USD	VND	Quy ra VND
Doanh thu xuất khẩu	4,956,618.91	-	103.236.457.616
Doanh thu bán hàng nội địa	-	2.745.118.532	2.745.118.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.012.088.228	1.012.088.228
Cộng	4,956,618.91	3.757.206.760	106.993.664.376

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn thành phẩm xuất bán	74.480.132.986	294.230.323.191
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	(6.023.798.462)
Cộng	74.480.132.986	288.206.524.729

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi, cho vay	475.689.469	274.033.911
Lãi hoạt động đầu tư	34.304.000	67.640.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.187.470.217	11.382.625.819
Cộng	1.697.463.686	11.724.299.730

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lãi vay	12.225.946.465	12.496.033.149
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.386.626.170	11.243.087.467
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	32.256.000	101.376.000
Cộng	13.644.828.635	23.840.496.616

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	Năm 2012	Năm 2011
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí lương nhân viên bán hàng	1.698.981.841	1.934.228.656
Chi phí xuất hàng	3.299.817.480	6.967.520.934
Chi phí tham gia hội chợ	254.368.838	456.283.066
Chi phí hoa hồng môi giới	-	3.287.273.239
Chi phí bằng tiền khác	566.084.002	1.268.799.925
Cộng	5.819.252.161	13.914.105.820
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên quản lý	9.539.639.184	9.970.226.164
Chi phí công cụ dụng cụ	68.235.765	216.430.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.219.374	704.813.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.125.436.141	3.684.181.618
Chi phí bằng tiền khác	2.031.491.194	2.023.981.058
Cộng	14.444.021.658	16.599.632.795
7. Lợi nhuận khác		
Thu thanh lý tài sản cố định	-	-
Các khoản thu khác	250.133.984	1.993.836.542
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(23.787.949)	-
Các khoản chi khác	(2.200.000)	(123.183.547)
Cộng	224.146.035	1.870.652.995
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	527.038.657	12.043.702.981
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.200.000	30.040.644
Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(10.240.000)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	529.238.657	12.063.503.625
Tỷ lệ thuế suất	25%	15%
Thuế TNDN phát sinh	132.309.664	1.809.525.544
Thuế TNDN được giảm do hưởng ưu đãi	66.154.832	904.762.772
Chi phí thuế TNDN hiện hành	66.154.832	904.762.772

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

- Các khoản điều chỉnh tăng

- Các khoản điều chỉnh giảm

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	460.883.825	10.988.146.414
	-	-
	-	-
	460.883.825	10.988.146.414
	12.807.000	12.807.000
	36	858

10. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

	Năm 2012	Năm 2011
	206.838.629.644	431.502.627.271
	22.901.417.541	32.064.269.823
	9.344.988.935	11.001.198.601
	7.378.879.778	17.193.596.023
	9.527.906.117	11.529.864.963
	255.991.822.015	503.291.556.681

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Mối quan hệ		Năm 2012	Năm 2011
Bán hàng				
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	9.037.681.890	-
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	1.311.492	7.441.200.000
Mua hàng				
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	3.481.953.577	-
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	482.214.874	-
Vay, mượn vốn tạm thời				
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch HĐQT	VND	15.463.139.561	-
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	VND	2.600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Số dư đối với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

Phải thu	Mối quan hệ		31/12/2012	01/01/2012
Incomfish US	Bên liên quan	USD	123.448,00	123.448,00
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	-	10.306.833.387
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	1.375.761.961	2.316.179.160
Nợ phải trả				
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	683.760.763	1.377.471.076
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	1.223.169.242	-
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch HĐQT	VND	19.463.139.561	-
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó Chủ tịch	VND	9.800.000.000	9.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	VND	2.600.000.000	-

2. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 31/12/2012			
	Gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	3.699,30	250,00	41.681.411	6.863.000
Phải thu khách hàng	1.400.814,67	-	29.176.167.947	-
Tổng cộng	1.404.513,97	250,00	29.217.849.358	6.863.000
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	43.925,15	-	914.873.024	-
Vay và nợ ngắn, dài hạn	3.832.479,73	-	79.822.887.816	-
Tổng cộng	3.876.404,88	-	80.737.760.840	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	(2.471.890,91)	250,00	(51.519.911.482)	6.863.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (5.151.991.148) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 31/12/2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là 686.300 đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

(ii) Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty liên kết chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm qua.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 47.940.521.516 đồng.

c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ ngắn, dài hạn	180.441.560.128	7.000.000.000	-	187.441.560.128
Phải trả người bán	5.058.862.080	-	-	5.058.862.080
Người mua trả trước	3.602.306.296	-	-	3.602.306.296
Các khoản phải trả khác	55.465.593.612	-	-	55.465.593.612
Cộng	224.568.322.116	7.000.000.000	-	231.568.322.116
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ ngắn, dài hạn	190.773.878.305	1.512.364.431	-	192.286.242.736
Phải trả người bán	9.437.199.388	-	-	9.437.199.388
Người mua trả trước	162.358.800	-	-	162.358.800
Các khoản phải trả khác	14.770.584.041	-	-	14.770.584.041
Cộng	215.144.020.534	1.512.364.431	-	216.656.384.965

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 12 và 16 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2012	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Đơn vị tính: ngàn đồng	
				Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	531.000	-	(339.000)	192.000	(339.000)
Đầu tư dài hạn					
Đầu tư vào Công ty liên kết	65.026.276	-	-	65.026.276	-
Đầu tư dài hạn khác	13.534.907	-	-	13.534.907	-
Tổng cộng	79.092.183	-	(339.000)	78.753.183	(339.000)

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.


Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Lại Tuyết Thanh
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 4 năm 2013



Trịnh Bá Hoàng
Tổng Giám đốc